

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2007/NĐ-CP
ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về đăng ký quốc tịch
và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng với nội dung sau đây:

1. Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 3 Điều 3 như sau:

“1. Người đề nghị phải gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam bằng cách nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu điện và phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của thông tin trong hồ sơ.

3. Trừ đơn đề nghị phải là bản gốc, các tài liệu khác trong hồ sơ đề nghị là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực; nếu tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt Nam và phải chứng thực theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc đăng ký, xoá đăng ký hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản cho người đề nghị.”

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay đối với tàu bay quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 13 của Luật hàng không dân dụng Việt Nam bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục I Nghị định này;

b) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký, người đăng ký tàu bay;

c) Giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;

d) Giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xoá đăng ký do quốc gia đăng ký cấp;

đ) Tài liệu về tình trạng kỹ thuật của tàu bay, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực đối với tàu bay được sản xuất tại nước ngoài, Giấy chứng nhận loại do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận, văn bản xác nhận của nhà chế tạo về tuân thủ các điều kiện thiết kế, chế tạo còn hiệu lực;

e) Hợp đồng mua tàu bay hoặc thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay.”

4. Sửa đổi Khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tạm thời quốc tịch tàu bay đối với tàu bay quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký tạm thời quốc tịch tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Nghị định này;

b) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký, người đăng ký tàu bay;

c) Giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;

d) Giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;

đ) Hồ sơ thiết kế tàu bay.”

5. Sửa đổi Khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Trường hợp xoá đăng ký quốc tịch tàu bay theo đề nghị của người đăng ký tàu bay thì người đề nghị phải gửi đơn đề nghị xoá đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định này đến Cục Hàng không Việt Nam bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện.”

6. Sửa đổi Khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký các quyền đối với tàu bay gửi đến Cục Hàng không Việt Nam bao gồm:

- a) Đơn đề nghị xóa đăng ký các quyền đối với tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục VII Nghị định này;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp;
- c) Hợp đồng mua tàu bay hoặc thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay;
- d) Văn bản đồng ý của bên nhận bảo đảm trong trường hợp người đề nghị xóa là bên bảo đảm.”

7. Sửa đổi Điều 15 như sau:**“Điều 15. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền sở hữu**

Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay bao gồm:

- 1. Đơn đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục III Nghị định này;
- 2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam;
- 3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký, người đăng ký;
- 4. Giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu tàu bay; trường hợp chuyển quyền sở hữu phải có thêm giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ.”

8. Sửa đổi Điều 16 như sau:**“Điều 16. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay**

Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay bao gồm:

- 1. Đơn đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Nghị định này;
- 2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay;
- 3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký, người đăng ký;
- 4. Bản sao có chứng thực hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay.”

9. Sửa đổi Khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị gia hạn đăng ký bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục V Nghị định này;

b) Giấy tờ chứng minh việc thuê mua, thuê tàu bay quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 28 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam được gia hạn;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp.”

10. Bổ sung Điều 18a như sau:

“Điều 18a. Đăng ký cầm cố, thế chấp tàu bay và cung cấp các thông tin về cầm cố, thế chấp tàu bay

Việc đăng ký cầm cố, thế chấp tàu bay và cung cấp các thông tin về cầm cố, thế chấp tàu bay được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.”

11. Sửa đổi Khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký quyền thanh toán công cứu hộ, giữ gìn tàu bay, theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Nghị định này;

b) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký, người đăng ký;

c) Xác nhận về hoạt động cứu hộ, giữ gìn tàu bay của hãng hàng không hoặc Cảng vụ hàng không liên quan.”

12. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 Điều 27 thành 01 Khoản như sau:

“1. Người đề nghị cung cấp thông tin, trích lục, bản sao từ Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam gửi đơn đề nghị cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX Nghị định này đến Cục Hàng không Việt Nam.”

13. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục như sau:

“1. Phụ lục I: Mẫu đơn đề nghị đăng ký quốc tịch Việt Nam cho tàu bay.

2. Phụ lục II: Mẫu đơn đề nghị xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam cho tàu bay.

3. Phụ lục III: Mẫu đơn đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay.

4. Phụ lục IV: Mẫu đơn đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay.

5. Phụ lục V: Mẫu đơn đề nghị gia hạn đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay.

6. Phụ lục VI: Mẫu đơn đề nghị đăng ký quyền thanh toán tiền công cứu hộ gìn giữ tàu bay.

7. Phụ lục VII: Mẫu đơn đề nghị xóa đăng ký các quyền đối với tàu bay.

8. Phụ lục VIII: Mẫu đơn đề nghị đăng ký tạm thời quốc tịch Việt Nam cho tàu bay.

9. Phụ lục IX: Mẫu đơn đề nghị cung cấp thông tin, trích lục, bản sao từ sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2012.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng